

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 534/TTr-SCT ngày 27 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2018 và thay thế Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 14/3/2014 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật, Sở Tư pháp;
- TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, CV; KT2^{BT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2018/QĐ-UBND ngày 03/7/2018
của UBND tỉnh Hưng Yên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Các nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan đến cụm công nghiệp chưa quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các chủ đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc

a) Thực hiện cơ chế quản lý một đầu mối, tránh chồng chéo, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp: Sở Công Thương giữ vai trò đầu mối, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong giai đoạn thành lập, mở rộng. Các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

b) Các cơ quan quản lý chuyên ngành, địa phương khi thực hiện công tác phối hợp phải cử người có trách nhiệm, thực hiện theo đúng thời hạn và chịu trách nhiệm về nội dung phối hợp. Sau thời gian quy định cơ quan được lấy ý kiến không gửi văn bản trả lời tới cơ quan chủ trì thì cơ quan đó chịu trách nhiệm về việc chậm thời gian thẩm tra theo quy định.

c) Các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và triển khai dự án hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ

thực hiện theo nguyên tắc quản lý nhà nước trong cụm công nghiệp theo Quy chế này. Các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp trong cụm công nghiệp gửi tới Sở Công Thương và các cơ quan chức năng phải được phối hợp giải quyết đúng thời gian quy định.

d) Công tác thanh tra đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các doanh nghiệp đầu tư trong cụm công nghiệp thực hiện đúng theo Luật Thanh tra và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Phương thức phối hợp

a) Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, đơn vị liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp nhận, hướng dẫn và chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quy định tại Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên và gửi 01 bản kết quả về Sở Công Thương để tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước.

b) Đối với các hồ sơ thuộc diện thẩm định, cơ quan chủ trì tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp bằng văn bản; cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời gian quy định. Sau thời gian quy định cơ quan được lấy ý kiến không gửi văn bản trả lời tới cơ quan chủ trì thì được coi là đồng ý với nội dung được hỏi ý kiến.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Xây dựng, ban hành, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật liên quan đến đầu tư, phát triển và hoạt động của cụm công nghiệp.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển cụm công nghiệp.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP), gồm:

- a) Lập, phê duyệt Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;
- b) Lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp;
- c) Lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

d) Tổ chức thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và quản lý vận hành, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi hoàn thành.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ đơn vị sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, gồm:

a) Cấp, điều chỉnh, thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Thuê đất, thu hồi đất;

c) Đánh giá tác động môi trường;

d) Cấp Giấy phép xây dựng công trình; điều chỉnh; gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng; thu hồi giấy phép xây dựng;

đ) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dịch vụ công hỗ trợ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp.

5. Xây dựng và quản lý thông tin về cụm công nghiệp; chỉ đạo các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp.

6. Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về cụm công nghiệp.

7. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư; giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, hoạt động và phát triển cụm công nghiệp.

Điều 5. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là Quy hoạch): Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, công bố Quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

4. Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

a) Tổ chức lập, thẩm định đề cương, dự toán kinh phí lập quy hoạch phát triển cụm công nghiệp, trình UBND tỉnh phê duyệt. Việc thẩm định đề cương, dự toán kinh phí được thực hiện theo hình thức lấy ý kiến Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, cơ quan liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

c) Tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp.

d) Tổ chức họp thẩm định quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; triển khai thực hiện kết luận của Hội đồng thẩm định, báo cáo UBND tỉnh ký văn bản đề nghị Bộ Công Thương có ý kiến thỏa thuận Quy hoạch.

đ) Trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức công bố, thực hiện Quy hoạch.

5. Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan phối hợp tham gia đóng góp ý kiến hoàn thiện dự thảo Quy hoạch, tham gia Hội đồng thẩm định và cho ý kiến thẩm định Quy hoạch.

Điều 6. Bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch cụm công nghiệp

1. Điều kiện bổ sung, điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Nội dung báo cáo bổ sung, điều chỉnh quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

4. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

5. Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định; tham mưu UBND tỉnh lấy ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương theo quy định.

6. Cơ quan phối hợp:

a) UBND cấp huyện: Lập hồ sơ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp và điều chỉnh rút cụm công nghiệp ra khỏi quy hoạch cụm công nghiệp, gửi Sở Công Thương thẩm định, trình UBND tỉnh theo quy định.

b) Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và các sở, ngành, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Nội dung Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 11 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

4. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

5. Nội dung thẩm định: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

6. Nội dung chủ yếu Quyết định thành lập, Quyết định mở rộng cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

7. Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Tham mưu UBND tỉnh lấy ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương đối với trường hợp cụm công nghiệp thành lập, mở rộng có điều chỉnh diện tích lớn hơn 05 ha so với quy hoạch đã được thỏa thuận.

8. Cơ quan phối hợp:

a) UBND cấp huyện: Lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, gửi Sở Công Thương thẩm định, trình UBND tỉnh theo quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các sở, ngành, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 8. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Nội dung:

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết khu chức năng đặc thù tại Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Việc xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

c) Nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp phải bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

2. Thành phần hồ sơ:

Thực hiện theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

3. Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và các sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp

1. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp được thiết kế đồng thời, đồng bộ trong một dự án đầu tư để tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sử dụng đất và thuận tiện cho việc xây dựng, sửa chữa, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập, thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

2. Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng.

3. Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện và các sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại các văn bản sau:

a) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường.

b) Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Trong giai đoạn chuẩn bị, thực hiện dự án, chủ đầu tư phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trong giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định.

3. Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư về xây dựng, thực hiện các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường cụm công nghiệp, kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường.



4. Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện và các sở, ngành, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư cụm công nghiệp

1. Thu hồi đất, cho thuê đất được thực hiện theo quy định tại các văn bản sau:

a) Luật Đất đai năm 2013.

b) Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

c) Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

e) Các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1471/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố quyết định thu hồi đất theo khoản 3, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013; số 14/2014/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 ban hành Quy định một số trường hợp cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 04/2017/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Quyết định số: 14/2014/QĐ-UBND; số 18/2014/QĐ-UBND và số 12/2015/QĐ-UBND ngày 16/7/2015.

3. Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

4. Cơ quan phối hợp:

a) UBND cấp huyện: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

b) Các sở, ngành, đơn vị liên quan phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Quyết định chủ trương đầu tư; Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Nội dung, trình tự thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư ngày 26/11/2014, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư, và các văn bản pháp lý có liên quan.

Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường/phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường

Nội dung trình tự thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản; Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền được pháp luật quy định.

3. Chấp thuận phương án phòng cháy chữa cháy

Nội dung, trình tự thực hiện theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

4. Cấp giấy phép xây dựng

a) Các công trình xây dựng trong cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được thẩm định thiết kế thì được miễn giấy phép xây dựng. Trong trường hợp này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo thời điểm khởi công bằng văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến UBND cấp huyện để theo dõi, lưu hồ sơ.

b) Các trường hợp khác: Thực hiện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật (thiết kế

bản vẽ thi công) và cấp phép xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng.

5. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Tham gia điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp, báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tổ chức lập, quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp.

c) Hoàn thiện các hồ sơ pháp lý về đầu tư, đất đai, xây dựng trước khi triển khai thực hiện dự án.

d) Đầu tư xây dựng, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án huy động vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định.

đ) Quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, bảo dưỡng và đảm bảo hoạt động thường xuyên của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung và tổ chức cung cấp các dịch vụ, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

e) Xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất di dời vào cụm công nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

g) Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

h) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường theo quy định. Không được mở rộng cụm công nghiệp, tiếp nhận thêm dự án đầu tư vào cụm công nghiệp trong trường hợp cụm công nghiệp chưa có công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; nộp các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học. Cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

i) Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường, công tác bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, các cơ sở trong cụm công nghiệp gửi Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12 hàng năm. Mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

k) Xây dựng mức phí, giá các loại dịch vụ công cộng, phí sử dụng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề đảm bảo phù hợp với mức phí, giá các dịch vụ tương ứng ngoài hàng rào cụm công nghiệp.

6. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

a) Thực hiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ theo quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động, quy định về an toàn công nghiệp, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, an ninh trật tự và quy định về điều kiện kinh doanh khác.

c) Xử lý nước thải:

Ký và thực hiện biên bản, hợp đồng thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp về đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp hoặc ký hợp đồng chuyển giao nước thải để xử lý với cơ sở có chức năng theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Cơ sở được miễn trừ đầu nối quy định tại Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT phải thực hiện các quy định tại Điều 18 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Thực hiện trách nhiệm quản lý chất thải rắn, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

đ) Thực hiện chương trình quan trắc môi trường của cơ sở theo quy định và thông báo kết quả cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp để tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền đồng thời gửi kết quả đến cơ quan xác nhận, phê duyệt kế hoạch và bảo vệ môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường/đề án bảo vệ môi trường theo quy định. Thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, đồng thời thông báo cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp khi xảy ra sự cố môi trường và thực hiện việc ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

e) Thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thông qua hình thức ký hợp đồng về đóng phí sử dụng các loại dịch vụ.

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trên cơ sở ý kiến của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, không trái quy định của pháp luật. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Sở Công Thương, UBND cấp huyện để theo dõi, quản lý.

b) Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp: Sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp phải đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ các công trình công cộng theo Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Các nội dung về hoạt động sản xuất kinh doanh cần quản lý: Tình hình hoạt động dự án đầu tư trong cụm công nghiệp; tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện; tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Chế độ báo cáo: Các đối tượng phải báo cáo thực hiện nghiêm chế độ báo cáo quy định tại Điều 12 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp báo cáo theo Biểu số 01.

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp báo cáo theo Biểu số 02.

c) Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo theo Biểu số 03.

d) Sở Công Thương báo cáo theo Biểu số 04.

Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra

Các sở, ngành và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế này thì được khen thưởng theo Luật Thi đua - khen thưởng hiện hành. Các trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Ngoài trách nhiệm, quyền hạn cụ thể đã nêu trên, các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nghiêm Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp, đánh giá, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, khi quy định tại các văn bản trích dẫn trên đây thay đổi thì áp dụng theo văn bản mới, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy chế, các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. / .*ng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng